



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

DỰ THẢO  
26/08/2024

**QCVN .....: 2025/BGTVT**

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ BẾN XE KHÁCH**  
*National technical regulation on Bus station*

**HÀ NỘI – 2025**

**QCVN .....:2025/BGTVT**

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ BẾN XE KHÁCH**

*National technical regulation on Bus station*

**Lời nói đầu**

QCVN : 2025/BGTVT do Cục Đường bộ Việt Nam soạn thảo, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành theo Thông tư số /2025/TT-BGTVT ngày tháng năm 2025.

## **Mục lục**

### **1. QUY ĐỊNH CHUNG**

- 1.1. Phạm vi điều chỉnh
- 1.2. Đối tượng áp dụng
- 1.3. Tài liệu viện dẫn
- 1.4. Giải thích từ ngữ

### **2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT**

- 2.1. Quy định chung
- 2.2. Quy định về các hạng mục công trình cơ bản
  - 2.2.1. Công trình dịch vụ thương mại
- 2.3. Quy định về diện tích tối thiểu và các hạng mục công trình
  - 2.3.1. Phân loại bến xe khách
  - 2.3.2. Quy định về khu vực bán vé
  - 2.3.3. Quy định khu vực đón, trả khách
  - 2.3.4. Quy định về bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách
  - 2.3.5. Quy định về phòng chờ cho hành khách
  - 2.3.6. Quy định về khu vực phục vụ ăn uống, giải khát
  - 2.3.7. Quy định về khu vệ sinh
  - 2.3.8. Quy định về cung cấp thông tin
  - 2.3.9. Quy định về hệ thống cấp thoát nước
  - 2.3.10. Quy định về phòng cháy, nổ
- 2.4. Quy định về bảo vệ môi trường

### **3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

# QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ BẾN XE KHÁCH

## *National technical regulation on Bus station*

### 1. QUY ĐỊNH CHUNG

#### 1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định điều kiện cơ sở vật chất; các yêu cầu trong việc lập quy hoạch, đầu tư, xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và quản lý khai thác bến xe khách.

#### 1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, quản lý, khai thác bến xe khách; các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc sử dụng dịch vụ, kiểm tra, kiểm chuẩn công bố bến xe khách đủ điều kiện hoạt động và quy hoạch hệ thống bến xe khách trong phạm vi nước Việt Nam.

#### 1.3. Tài liệu viện dẫn

- Nghị định số /2025/NĐ-CP “Nghị định quy định hoạt động vận tải đường bộ” được Chính phủ ban hành ngày tháng năm 2025.
- Thông tư số /2025/TT-BGTVT “Thông tư Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ” được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành ngày tháng năm 2025.
- Thông tư số /2025/TT-BGTVT Quy định về quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên môi trường ban hành ngày 10 tháng 1 năm 2022.
- Thông tư số 06/2021/TT-BXD “Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng” được Bộ trưởng Xây dựng ban hành ngày 30 tháng 6 năm 2021.
- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT “Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ” do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành ngày 23 tháng 9 năm 2015.
- QCVN 10:2014/BXD “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về “Xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng””

được ban hành kèm theo Quyết định số 01/2002/QĐ-BXD ngày 17 tháng 01 năm 2002 của Bộ Xây dựng.

- QCXDVN 05:2008/BXD “Nhà ở và công trình công cộng - An toàn sinh mạng và sức khỏe” được ban hành kèm theo Quyết định số 09/2008/QĐ-BXD ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Bộ Xây dựng.
- QCVN 01-1:2018/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt” được Bộ Y tế ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018.
- QCVN 09:2023/BTNMT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất”
- QCVN 07-2:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật. Công trình thoát nước; được Bộ Xây dựng ban hành theo Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016.
- QCVN 07-4:2016/BXD “Các công trình hạ tầng kỹ thuật. Công trình giao thông”, được Bộ Xây dựng ban hành theo Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016.
- QCVN 07-7:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật. Công trình chiếu sáng; Bộ Xây dựng ban hành theo Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016.
- QCVN 07:2010/BXD “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị” được ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BXD ngày 05 tháng 02 năm 2010 của Bộ Xây dựng.
- QCVN13:2018/BXD “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về gara ô tô” được Bộ Xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số: 12/2018/TT-BXD ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.
- QCVN 01:2020/BCT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu” được ban hành kèm theo Thông tư số 15/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công thương.
- QCVN 06:2022/BXD “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình” được Bộ Xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BXD ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- TCVN 13456:2022 Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 13456:2022 áp dụng để thiết kế, lắp đặt phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn được trang bị cho gian phòng, nhà và các công trình xây dựng trong tất cả các giai đoạn xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa hay thay đổi công năng.
- TCVN 4319:2012 " Công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế"
- TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố năm 2005.
- TCVN 5687:2024 Thông gió và điều hòa không khí - Yêu cầu thiết kế
- TCVN 7447-7-722:2023 Hệ thống lắp đặt điện hạ áp
- TCVN 13078-25:2023 Hệ thống sạc điện có dây dùng cho xe điện
- TCVN 13724-7:2023 Cụm đóng cắt và điều khiển hạ áp

#### **1.4. Giải thích từ ngữ**

1.4.1. Đường xe ra, vào bến là đường đấu nối từ đường giao thông chính, đường nhánh hoặc đường gom vào bến xe khách.

1.4.2. Vị trí đón, trả khách là khu vực đỗ xe để hành khách lên xe hoặc xuống xe trong phạm vi bến xe khách, diện tích dành cho 1 vị trí đỗ xe khách là 40 m<sup>2</sup> (theo QCVN 07:2010/BXD).

1.4.3. Bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách là nơi dành cho xe ô tô khách đỗ xe để chờ vào vị trí đón hành khách.

1.4.4. Bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác là nơi trông giữ các phương tiện cá nhân tại bến xe khách.

1.4.5. Phòng chờ cho hành khách là khu vực có bố trí ghế để hành khách ngồi trong thời gian chờ mua vé hoặc chờ lên xe.

1.4.6. Hệ thống cung cấp thông tin là hệ thống loa phát thanh, bảng thông báo và các trang thiết bị nghe, nhìn khác trong bến xe khách.

## **2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT**

### **2.1. Quy định chung**

2.1.1. Điểm đấu nối của đường ra, vào bến xe với đường quốc lộ phải được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số /2025/TT-BGTVT quy định về quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

2.1.2. Đường ra, vào bến xe khách phải được thiết kế theo các quy định của TCVN 4054:2005 hoặc tương đương, bảo đảm lưu thông thuận tiện, hạn chế tối thiểu xung đột giữa dòng phương tiện ra, vào và với người đi bộ.

2.1.3. Đường lưu thông dành cho xe cơ giới trong bến xe hàng phải có các biển báo hiệu, vạch kẻ đường để đảm bảo cho các loại phương tiện lưu thông an toàn trong khu vực bến xe hàng.

2.1.4. Các công trình và lối đi lại trong khu vực bến xe khách phải đáp ứng các quy định tại QCVN 10:2014/BXD để bảo đảm người khuyết tật tiếp cận sử dụng.

2.1.5. Bến xe khách phải bảo đảm thực hiện tối thiểu các chức năng Cung cấp các dịch vụ phục vụ xe ra, vào bến xe khách; cấp các dịch vụ phục vụ lái xe, nhân viên phục vụ trên xe, hành khách và phương tiện.

2.1.6. Các công trình, các thiết bị của bến xe khách phải được xây dựng, lắp đặt bảo đảm chất lượng và sự bền vững tương ứng với cấp công trình theo quy định tại Thông tư số 06/2021/TT-BXD, TCVN 4319 : 2012 và các quy định liên quan khác; bảo đảm trật tự, an toàn cho hành khách, hàng hóa và phương tiện trong khu vực bến xe khách.

2.1.7. Hệ thống điện, nước, chiếu sáng, thông tin liên lạc, phòng cháy, chữa cháy của bến xe hàng bảo đảm theo quy định tại QCVN 07-1:2016/BXD, QCVN 07-2:2016/BXD, QCVN 07-5:2016/BXD, QCVN 07-7:2016/BXD, QCVN 07-8:2016/BXD, QCVN 07-9:2016/BXD.

2.1.8. Các bến xe khách từ loại 1 đến loại 6 phải được công bố công suất của bến xe theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

## **2.2. Quy định về các hạng mục công trình cơ bản**

Các hạng mục công trình cơ bản của bến xe khách được chia làm hai nhóm gồm: Các công trình bắt buộc phải có và các công trình dịch vụ thương mại.

2.2.1. Các công trình bắt buộc phải có:

- 2.2.1.1. Khu vực đón, trả khách;
- 2.2.1.2. Bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách;
- 2.2.1.3. Bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác;
- 2.2.1.4. Phòng chờ cho hành khách;
- 2.2.1.5. Khu vực làm việc của bộ máy quản lý;
- 2.2.1.6. Khu vực bán vé;
- 2.2.1.7. Khu vệ sinh.

2.2.2. Công trình dịch vụ thương mại: Khuyến khích xây dựng;

- 2.2.2.1. Trung tâm thương mại;
- 2.2.2.2. Khách sạn, nhà nghỉ;
- 2.2.2.3. Nhà hàng phục vụ ăn uống, giải khát;

2.2.2.4. Khu vực cung cấp các dịch vụ vui chơi, giải trí, chăm sóc sức khỏe;

2.2.2.5. Cửa hàng xăng dầu, trạm sạc cho xe điện;

2.2.2.6. Xưởng bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện;

2.2.2.7. Nơi rửa xe;

2.2.2.8. Bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác (cao tầng hoặc âm tầng hoặc cả 2);

2.2.2.9. Trung tâm dịch vụ đăng kiểm xe cơ giới.

### 2.3. Quy định về diện tích tối thiểu và các hạng mục công trình

#### 2.3.1. Phân loại bến xe khách.

Bến xe khách được phân thành 6 loại. Quy định về các hạng mục công trình tương ứng với từng loại bến xe khách như trong Bảng sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Loại bến xe khách					
			Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4	Loại 5	Loại 6
1	Diện tích mặt bằng (tối thiểu)	m <sup>2</sup>	15.000	10.000	5.000	2.500	1.500	500
2	Diện tích bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu)	m <sup>2</sup>	5.000	3.000	1.000	500	160	80
3	Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác (tối thiểu)	m <sup>2</sup>	2.000	1.500	900	400	30	20
4	Diện tích tối thiểu phòng chờ cho hành khách (có thể phân thành nhiều khu vực trong bến)	m <sup>2</sup>	500	300	150	100	50	30
5	Số vị trí đón, trả khách (tối thiểu)	vị trí	50	40	30	20	10	6
6	Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)	chỗ	100	60	30	20	10	10
7	Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)		Đảm bảo nhiệt độ không vượt quá 30°C	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện
8	Diện tích khu vực làm việc	-	Tối thiểu 4,5 m <sup>2</sup> /người					
9	Diện tích văn phòng dành cho Y-	-	Tối thiểu 10 m <sup>2</sup>					



TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Loại bến xe khách						
			Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4	Loại 5	Loại 6	
	tế								
10	Diện tích khu vệ sinh		> 5% tổng diện tích sàn của nhà/công trình và không nhỏ hơn 10 m <sup>2</sup> (Có nơi vệ sinh phục vụ người khuyết tật theo QCVN 10:2014/BXD)						
11	Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ		Tỷ lệ diện tích đất dành cho cây xanh, thảm cỏ tối thiểu 2% tổng diện tích						
12	Đường xe ra, vào bến		riêng biệt		chung (rộng tối thiểu 7,5 m)				
13	Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách		Có mái che						
14	Kết cấu mặt đường ra, vào bến xe và sân bến		Mặt đường nhựa hoặc bê tông xi măng						
15	Hệ thống cung cấp thông tin		Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn bằng điện tử, có thiết bị tra cứu thông tin tự động	Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn					
16	Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến		Có phần mềm quản lý bến xe và trang bị hệ thống camera giám sát	Có phần mềm quản lý bến xe					

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Loại bến xe khách						
			Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4	Loại 5	Loại 6	
			xe ra vào bến						

### 2.3.2. Quy định về khu vực bán vé:

2.3.2.1. Khu vực bán vé bao gồm quầy bán vé; thiết bị bán vé tự động; website, ứng dụng di động của các bến xe để phục vụ hành khách mua vé, in vé lên xe;

2.3.2.2. Vị trí khu vực bán vé bảo đảm hành khách dễ nhận biết, thuận tiện cho hành khách đến mua vé và ra vị trí xe đón khách; phía trước khu vực bán vé phải có biển hiệu “Khu vực bán vé” bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

2.3.2.3. Đơn vị khai thác bến xe khách quy định thống nhất về kiểu dáng và kết cấu của các quầy bán vé trong phạm vi bến xe khách. Diện tích tối thiểu của mỗi quầy bán vé là 2 m<sup>2</sup> (không áp dụng với quầy bán vé tự động);

2.3.2.4. Tại mỗi quầy bán vé, website, ứng dụng di động phải niêm yết thông tin về chất lượng dịch vụ đã đăng ký (hoặc đã được công bố) và các thông tin cần thiết khác cho hành khách;

### 2.3.3. Quy định khu vực đón, trả khách:

2.3.3.1. Khu vực xe đón khách phải được bố trí gần với khu vực phòng chờ và khu vực bán vé để bảo đảm thuận tiện cho hành khách đi xe;

2.3.3.2. Khu vực xe đón khách phải có biển hiệu chỉ dẫn để bảo đảm hành khách đi xe dễ dàng nhận biết đúng vị trí xe chờ đón khách;

2.3.3.3. Khu vực trả khách phải bố trí riêng biệt với khu vực đón khách, thuận tiện cho hành khách đến phòng chờ hoặc đi ra khỏi khu vực bến xe khách và gần với các điểm dừng đón khách của các loại hình vận tải khách công cộng có kết nối với bến xe khách;

2.3.3.4. Các vị trí cho xe đỗ để đón, trả khách phải được phân định rõ bằng vạch sơn;

2.3.3.4.1. Đối với các bến xe khách có tuyến quốc tế phải bố trí khu vực riêng cho xe vận chuyển khách trên các tuyến quốc tế đón, trả khách và phải có biển hiệu “Khu vực đón, trả khách Quốc tế” bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

2.3.3.4.1. Đối với các bến xe khách có tuyến xe buýt, taxi hoạt động trong khu vực bến, bến xe phải bố trí khu vực dành riêng cho xe buýt, xe taxi đón, trả khách. Diện tích khu vực này không được tính vào diện tích tối thiểu của bến xe khách quy định cho từng loại bến tại Quy chuẩn này.

### 2.3.4. Quy định về bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách

2.3.4.1. Thiết kế hướng đỗ xe hợp lý, phù hợp với quy mô diện tích và không gian của bến xe khách để đáp ứng nhu cầu đỗ xe của từng loại phương tiện, bảo đảm an toàn, thuận tiện;

2.3.4.2. Diện tích tối thiểu cho một vị trí đỗ của xe ô tô khách là 40 m<sup>2</sup>. Có vạch sơn để phân định rõ từng vị trí đỗ xe (theo QCVN 07:2010/BXD);

2.3.4.3. Bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách và bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác phải đáp ứng các quy định tại QCVN 13:2018/BXD;

### 2.3.5. Quy định về phòng chờ cho hành khách

2.3.5.1. Phòng chờ cho hành khách phải được bố trí gần khu vực bán vé và khu vực xe đón khách. Đối với bến xe khách từ loại 1 đến loại 2 phải tổ chức, bố trí khu vực phòng chờ dành riêng cho hành khách đã mua vé;

2.3.5.2. Có bố trí ghế ngồi cho hành khách theo quy định đối với từng loại bến xe khách. Ghế ngồi phải được đặt cố định và bảo đảm tính hài hòa, thẩm mỹ, có lối đi lại giữa các hàng ghế;

2.3.5.3. Phải có lối đi liên thông với khu vực bán vé và khu vực xe đón, trả khách;

2.3.5.4. Phải có hệ thống đèn chiếu sáng và biển chỉ dẫn “Lối ra xe” để chỉ dẫn hành khách ra khu vực xe đón khách.

### 2.3.6. Quy định về khu vực phục vụ ăn uống, giải khát

2.3.6.1. Khu vực phục vụ ăn uống, giải khát cho hành khách và lái xe phải được bố trí một khu vực riêng hoặc được ngăn cách bằng vách ngăn lửng với các khu vực khác;

2.3.6.2. Khu vực phục vụ ăn uống phải được bố trí bàn ăn, ghế ngồi và thùng rác đảm bảo vệ sinh môi trường;

2.3.6.3. Khu vực chế biến thức ăn và khu vực phục vụ hành khách ăn uống được ngăn cách bằng vách ngăn lửng hoặc được bố trí khu vực riêng biệt;

2.3.6.4. Nền khu vực phục vụ ăn uống phải dùng loại vật liệu dễ làm vệ sinh.

2.3.6.5. Khu vực phục vụ ăn uống phải được thông gió tự nhiên và trang bị hệ thống quạt mát, quạt hút mùi. Tùy theo yêu cầu cụ thể của từng trường hợp có thể thông gió bằng phương pháp cơ giới và thiết bị điều hòa nhiệt độ theo quy định tại TCVN 5687:2024;

2.3.6.6. Khu vực ăn uống phải bảo đảm luôn sạch sẽ, đáp ứng đầy đủ các quy định về vệ sinh môi trường; các sản phẩm ăn uống phục vụ khách hàng phải đảm bảo các quy định về vệ sinh, an toàn thực phẩm.

### 2.3.7. Quy định về khu vệ sinh:

2.3.7.1. Phải có biển chỉ dẫn đến khu vệ sinh rõ ràng, dễ nhận biết bảo đảm thuận tiện cho khách sử dụng. Vị trí bố trí không ảnh hưởng đến môi

trường của các khu vực khác trong bến xe khách. Khu vệ sinh phải bố trí vệ sinh nam, nữ riêng và bảo đảm người khuyết tật có thể tiếp cận sử dụng; nơi vệ sinh dành cho người khuyết tật phải có biển báo theo quy ước quốc tế;

2.3.7.2. Khu vệ sinh phải đảm bảo chống thấm, chống ẩm ướt, thoát mùi hôi thối, thông thoáng, tường, mặt sàn và thiết bị phải luôn sạch sẽ, số lượng, chất lượng các loại thiết bị vệ sinh phải theo quy định tại TCVN 4319:2012;

2.3.7.3. Khu vệ sinh phải được thông gió tự nhiên trực tiếp; nếu thông gió tự nhiên không đáp ứng yêu cầu thì phải dùng thông gió cơ giới theo quy định tại TCVN 5687:2024;

2.3.7.4. Nền, mặt tường khu vệ sinh phải dùng loại vật liệu không hút nước, không hút bẩn, chịu xâm thực, dễ làm vệ sinh;

2.3.7.5. Tại các vị trí bố trí chậu để rửa tay nên lắp đặt bàn, gương, móc treo;

2.3.7.6. Hệ thống thoát nước phải bảo đảm không để nước ứ đọng trên nền trong khu vệ sinh;

### 2.3.8. Quy định về hệ thống cung cấp thông tin

2.3.8.1. Tại khu vực phòng chờ cho hành khách và khu vực bán vé của bến xe khách phải có hệ thống cung cấp thông tin tối thiểu gồm: hệ thống phát thanh và bảng thông tin chỉ dẫn cố định (hoặc màn hình điện tử); đối với bến xe khách từ loại 1 đến loại 4 ngoài bảng thông tin chỉ dẫn cố định phải bố trí màn hình điện tử;

2.3.8.2. Nội dung thông tin cung cấp theo từng tuyến gồm: biển kiểm soát xe, đơn vị vận tải, hành trình, biểu đồ chạy xe, giá vé, chất lượng dịch vụ vận tải, thông tin về hành lý thất lạc và các thông tin cần thiết khác;

2.3.8.3. Đối với bến xe khách có tuyến vận tải quốc tế phải cung cấp thông tin theo quy định tại điểm a, b Mục này bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

2.3.8.4. Hệ thống phát thanh phải bảo đảm cho mọi người đang ở trong khu vực bến xe khách có thể nghe rõ mọi thông tin phát qua hệ thống;

2.3.8.5. Phải có số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận thông tin phản ánh của hành khách.

### 2.3.9. Quy định về hệ thống cấp thoát nước:

2.3.9.1. Hệ thống cấp nước cho bến xe khách phải bảo đảm hoạt động ổn định, có khả năng cung cấp đủ lượng nước cho nhu cầu sử dụng của bến xe khách;

2.3.9.2. Trong trường hợp bến xe tự khai thác nguồn nước để sử dụng thì phải đáp ứng các tiêu chí tại QCVN 09:2023/BTNMT và nước dùng trong sinh hoạt phải đáp các tiêu chí tại QCVN 01-1:2018/BYT;

2.3.9.3. Hệ thống thoát nước của bến xe khách bao gồm hệ thống thoát nước thải và hệ thống thoát nước mưa và đấu nối với hệ thống thoát nước tại địa phương;

2.3.9.4. Hệ thống thoát nước phải bảo đảm không để ứ đọng nước làm gián đoạn hoạt động của bến xe khách.

2.3.10. Quy định về phòng cháy, nổ

2.3.10.1. Bến xe khách được xây dựng và lắp đặt các trang thiết bị phòng và chống cháy, chữa cháy theo đúng quy định tại QCVN 06:2022/BXD và sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD;

2.3.10.2. Cán bộ công nhân viên của bến xe khách phải được tập huấn nghiệp vụ về phòng và chống cháy, nổ;

2.3.10.3. Niêm yết quy định về phòng và chống cháy, nổ trong khu vực bến xe khách.

2.3.11. Quy định về cửa hàng xăng dầu, trạm sạc cho xe điện, xưởng bảo dưỡng sửa chữa và nơi rửa xe

2.3.11.1. Việc thiết kế, xây dựng, hoạt động của khu vực cửa hàng xăng dầu phải thực hiện theo QCVN 01:2020/BCT;

2.3.11.2. Việc thiết kế, xây dựng, hoạt động của khu vực trạm sạc cho xe điện phải được thực hiện đúng theo các quy định hiện hành có liên quan của nhà nước;

2.3.11.3. Khu vực cấp nhiên liệu, bảo dưỡng sửa chữa và nơi rửa xe phải được bố trí riêng biệt, có đường ra, vào thuận tiện không ảnh hưởng đến giao thông chung.

## **2.4. Quy định về bảo vệ môi trường**

2.4.1. Bến xe khách phải có hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải tập trung theo quy định.

2.4.2. Có đủ thiết bị, phương tiện và lực lượng lao động thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm vi quản lý.

2.4.3. Bố trí đủ thùng rác tại tất cả các khu vực để bảo đảm vệ sinh môi trường.

2.4.4. Đối với bến xe khách có xưởng bảo dưỡng sửa chữa xe ô tô phải bố trí khu vực riêng và đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại (bao gồm: ắc quy, dầu mỡ, săm lốp, linh kiện điện tử) theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường

2.4.5. Niêm yết quy định về giữ gìn vệ sinh trong khu vực bến xe khách.

2.4.6. Bến xe khách trong nằm trong khu dân cư gây tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ phải thực hiện biện pháp giảm thiểu, không làm ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư.

### **3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

3.1. Cục Đường bộ Việt Nam chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn triển khai và tổ chức việc thực hiện Quy chuẩn này.

3.2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, Cục Đường bộ Việt Nam tổng hợp và kiến nghị Bộ Giao thông vận tải xem xét sửa đổi, bổ sung.

3.3. Trường hợp các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn và quy định pháp luật được viện dẫn trong Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo văn bản mới tương ứng.

3.4. Các bến xe khách đã công bố trước ngày 01 tháng 01 năm 2025, phải hoàn thiện, vận hành phần mềm quản lý bến xe trước ngày 01/01/2026

3.5. Việc công bố công suất của bến xe thực hiện theo lộ trình do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định.